

Số: 6505/HD-NHNo-TCKT

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2022

V/v: Hướng dẫn hạch toán phí dịch vụ
từ hoạt động đại lý bảo hiểm

AGRIBANK TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐẾN Số: 1705
Ngày: 26/7/22
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: - Trưởng Văn phòng Đại diện khu vực;
- Giám đốc chi nhánh loại I.

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-HĐTV-TCTL ngày 16/7/2021 của Hội đồng thành viên quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Kế toán trưởng Agribank;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-NHNo-TCKT ngày 21/5/2014 của Tổng Giám đốc về hệ thống tài khoản kế toán Agribank và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ văn bản số 1468/NHNo-NCPT ngày 05/3/2020 của Tổng Giám đốc hướng dẫn hoạt động đại lý bảo hiểm của Agribank cho các doanh nghiệp bảo hiểm;

Trụ sở chính hướng dẫn hạch toán phí dịch vụ từ hoạt động đại lý bảo hiểm như sau:

I. Phạm vi áp dụng

1. Văn bản này hướng dẫn hạch toán phí dịch vụ từ hoạt động đại lý bảo hiểm của Agribank cho các doanh nghiệp bảo hiểm (ABIC, FWD, Prudential, v.v...).
2. Áp dụng đối với các đơn vị tại Trụ sở chính, đơn vị trực thuộc và các chi nhánh trong hệ thống Agribank trên lãnh thổ Việt Nam.

II. Nguyên tắc chung

1. Việc ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm phải phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của Agribank.
2. Các điều khoản của hợp đồng đại lý bảo hiểm phải thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia và phù hợp với các quy định của pháp luật như: Tỷ lệ, mức hoa hồng, mức chi khen thưởng đại lý, chi hỗ trợ đại lý và các khoản khác mà Agribank nhận được (nếu có).
3. Phí dịch vụ thu hộ các khoản phí bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện theo biểu phí dịch vụ của Agribank.



4. Các khoản thu từ doanh nghiệp bảo hiểm chi trả cho đại lý (chi khen thưởng, hỗ trợ, v.v...) được hạch toán vào thu nhập của Agribank.

5. Thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động đại lý bảo hiểm

a) Các khoản thu không phải kê khai nộp thuế GTGT

- Hoa hồng đại lý bảo hiểm;

- Các khoản thu từ nguồn chi khen thưởng đại lý, thu từ nguồn hỗ trợ đại lý, khoản thu khác không dựa trên chỉ tiêu doanh thu phí bảo hiểm.

b) Các khoản thu phải kê khai nộp thuế GTGT

- Các khoản thu từ nguồn hỗ trợ, khen thưởng đại lý liên quan đến việc thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo hành, khuyến mại, quảng cáo (nếu có) cho doanh nghiệp bảo hiểm;

- Các khoản trợ cấp tiếp thị (như khuyến mại khách hàng, các chương trình tạo đầu mối khách hàng, các hội nghị bảo hiểm liên kết với khách hàng, chương trình tiếp thị, tài liệu quảng cáo, v.v...);

- Khoản khen thưởng đại lý, thu khác dựa trên chỉ tiêu doanh thu phí bảo hiểm cho việc phân phối sản phẩm từ doanh nghiệp bảo hiểm;

- Khoản hỗ trợ hợp tác dựa trên chỉ tiêu doanh số từ việc phân phối sản phẩm bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm giao cho Agribank.

III. Hạch toán thu phí hoa hồng đại lý bảo hiểm

1. Đối với các hợp đồng đại lý doanh nghiệp bảo hiểm trả phí trực tiếp cho chi nhánh

Căn cứ doanh thu phí bảo hiểm đơn vị khai thác trong kỳ và số phí hoa hồng đại lý bảo hiểm nhận được, đơn vị hạch toán thu nhập, xuất hóa đơn cho doanh nghiệp bảo hiểm, hạch toán:

a) Đối với các khoản hoa hồng đại lý bảo hiểm

Nợ TK thích hợp (TKTT, 519...)

Có TK 714009 - Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý khác

Số tiền nhận được từ doanh nghiệp bảo hiểm

b) Đối với các khoản thu khác ngoài khoản thu từ hoa hồng đại lý bảo hiểm

(i) Thuộc đối tượng phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng:

Nợ TK thích hợp (TKTT, 519...)

Có TK 714010 - Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý khác chịu thuế

Có TK 453101 - Thuế GTGT

Số tiền nhận được từ DN bảo hiểm

Số tiền nhận được từ DN bảo hiểm (chưa bao gồm thuế GTGT)

Thuế GTGT phải nộp

(ii) Thuộc đối tượng không phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng.

Nợ TK thích hợp (TKTT, 519...)

Có TK 714009 - Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý khác

Số tiền nhận được từ doanh nghiệp bảo hiểm

2. Đối với các hợp đồng đại lý doanh nghiệp bảo hiểm trả phí qua đơn vị đầu mối (Trụ sở chính hoặc chi nhánh đầu mối)

Hạch toán các khoản hoa hồng đại lý bảo hiểm, các khoản thu từ nguồn chi khen thưởng đại lý, thu từ nguồn hỗ trợ đại lý, v.v...

a) Tại đơn vị đầu mối

(i) Hạch toán thu dịch vụ và xuất hóa đơn cho doanh nghiệp bảo hiểm tương tự như hướng dẫn tại Khoản 1, Mục III văn bản này.

(ii) Chuyển trả cho các chi nhánh thực hiện dịch vụ thông qua tài khoản thu/chỉ điều tiết nội bộ, số phí chuyển trả không bao gồm thuế GTGT, hạch toán:

Nợ TK 849005 - Chi điều tiết nội bộ từ các khoản Thu hộ phí dịch vụ

Có TK 519101 - ĐCV giữa TSC với chi nhánh loại I, loại II

Số tiền phí dịch vụ bảo hiểm chuyển trả cho chi nhánh thực hiện dịch vụ

b) Tại chi nhánh thực hiện dịch vụ, hạch toán

Nợ TK 519101 - ĐCV giữa TSC với chi nhánh loại I, loại II

Có TK 749005 - Thu điều tiết nội bộ từ các khoản Thu hộ phí dịch vụ

Số tiền nhận được từ doanh nghiệp bảo hiểm qua đơn vị đầu mối

IV. Tổ chức thực hiện

1. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký; Thay thế văn bản số 2999/NHNo-TCKT ngày 25/6/2009 của Tổng Giám đốc về Hướng dẫn hạch toán phí hoa hồng đại lý bảo hiểm ABIC và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Giám đốc Chi nhánh loại I và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, chủ động liên hệ với Trụ sở chính (qua Ban Tài chính Kế toán) để phối hợp xử lý theo quy định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- TV HĐQT phụ trách TCKT (để b/c);
- PTGD p/trách: TCKT, KHCN, KHDN;
- Ban Kiểm soát;
- KTNB, KHCN, KHDN;
- Lưu: TKTH, VP, TCKT. (12)

Ngày... tháng... năm 20... Sao:

- BGĐ.
- Các phòng.
- Chi nhánh loại II.
- Lưu: Vt.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phùng Văn Hưng Quang



PHÓ GIÁM ĐỐC
MAI MỸ HẠNH

Phòng KT tham mưu thực hiện